

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 91/2020/HSST
Ngày: 05/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*****-----

Nhân danh
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Trương Công Tráng**

2. Ông: **Nguyễn Cao Biền**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 17/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 08/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Thị T**, sinh năm 1990; HKTT: Đội 3, thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Đảng phái: Không. Bố đẻ: Cao Văn C, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Phạm Thị V, sinh năm 1970; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo, Cao Thị T bị tạm giữ từ ngày 06/01/2020 đến ngày 08/01/2020. Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú*.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Nguyễn Lê Hữu A, sinh năm 1990; HKTT: phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thị T, sinh năm 1990; HKTT: Đội 3, thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và anh Nguyễn Lê Hữu A, sinh năm 1990; HKTT: phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, cùng thuê trọ tại phòng 8B4, chung cư W, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, ở trọ cùng căn hộ nhưng khác phòng.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 04/01/2020, khi đang ở phòng thuê trọ thì nhìn thấy anh A đi tắm, không khoá cửa phòng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T vào trong phòng của anh A, phát hiện thấy 01 (một) chiếc ví da của anh A để trên mặt bàn gần cửa ra vào của phòng. T mở ví kiểm tra bên trong thấy có một số thẻ ngân hàng nên đã lén lút lấy 01 thẻ Ngân hàng Techcombank (loại thẻ Visa) mang tên Nguyễn Lê Hữu A rồi cất ví lại vị trí cũ và đi về phòng.

Đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, T đi bộ từ phòng trọ mang theo chiếc thẻ Ngân hàng Techcombank (loại thẻ Visa) đã lấy của anh A đến cửa hàng vàng bạc C ở địa chỉ T1-15 đường Q, quận H, TP. Hà Nội với mục đích dùng thẻ Ngân hàng của anh B để mua vàng. Tại đây, T mua 08 chỉ vàng (05 chỉ vòng đeo cổ và 03 chỉ vòng đeo tay) loại vàng ta, nhãn hiệu 9999 với số tiền phải thanh toán là 35.540.000 đồng. T dùng thẻ ngân hàng của anh B để thanh toán số tiền trên, khi thanh toán tiền do sợ bị phát hiện nên T nói dối nhân viên bán hàng tên là X rồi ký tên “X” vào hoá đơn thanh toán. Sau khi mua được 08 chỉ vàng trên, T về khu chung cư W, lấy xe máy để đi làm, đồng thời vứt bỏ chiếc thẻ visa Teachcombank của anh B ở thùng rác dưới chân toà chung cư W. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi đi làm về, T đem số vàng mua được đến cửa hàng vàng bạc B, ở số 35 N, phường K, quận T, thành phố Hà Nội, bán lấy số tiền 33.640.000 đồng. Sau đó, T cất số tiền trong bóp xe rồi đi chơi cùng bạn và không quay về phòng trọ.

Ngày 04/01/2020, anh Nguyễn Lê Hữu A có đơn trình báo đến Công an phường M về việc bị mất trộm thẻ Teachcombank (loại thẻ visa), đã bị thanh toán khoản chi số tiền 35.400.000 đồng.

Đến ngày 05/01/2020, Cao Thị T đã đến Công an phường M đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình. Đồng thời, giao nộp số tiền 33.640.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cao Thị T đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 1.900.000 đồng cho anh Nguyễn Lê Hữu A. Ngày 18/02/2020, Cơ quan điều tra đã trao trả lại số tiền 35.540.000 đồng cho anh Nguyễn Lê Hữu A. Anh A đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-HĐ ngày 16/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố bị cáo **Cao Thị T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Đề nghị xử phạt: **Cao Thị T** từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Lê Hữu A đã nhận lại đủ số tài sản bị mất và không đề nghị bị cáo T bồi thường gì, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 04/01/2020, tại phòng 8B4, chung cư W, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Cao Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Lê Hữu A, 01 (một) thẻ Ngân hàng Teachcombank (loại thẻ visa) và tiêu thụ số tiền bên trong thẻ trị giá là **35.540.000 đồng**.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải có mức hình phạt tù phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tuy nhiên khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Lê Hữu A đã nhận lại đủ số tài sản bị mất và không đề nghị bị cáo T bồi thường gì thêm, nên Tòa án sẽ không xem xét.

[5] Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo **Cao Thị T** phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt: bị cáo **Cao Thị T 12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Cao Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Cao Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VT.

TM Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Vương

